

Số: 07/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN QUẢN
Giờ Ngày 1/3/19.....
Kính chuyển: ... (2b)

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S.
	Ngày: 19/9/2016..

Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 204/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành mỹ thuật làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Viên chức chuyên ngành mỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm họa sĩ làm các công việc: tạo hình con rối; động tác phim hoạt hình; thiết kế trang trí sân khấu; hóa trang, phục trang sân khấu, điện ảnh.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật

Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật, bao gồm:

- | | |
|---------------------|-------------------|
| a) Hạng sĩ hạng I | Mã số: V.10.08.25 |
| b) Hạng sĩ hạng II | Mã số: V.10.08.26 |
| c) Hạng sĩ hạng III | Mã số: V.10.08.27 |
| d) Hạng sĩ hạng IV | Mã số: V.10.08.28 |

Điều 3. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của các chức danh viên chức chuyên ngành mỹ thuật

1. Có trách nhiệm cao, yêu nghề, nhiệt tình với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật, luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Quan tâm đến sự nghiệp phát triển nghệ thuật mỹ thuật; luôn có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật mỹ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

3. Trung thực, khách quan, thẳng thắn, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Có ý thức tôn trọng, phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Hạng sĩ hạng I - Mã số: V.10.08.25

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì tổ chức sáng tác và chỉ đạo thực hiện các công trình, tác phẩm mỹ thuật có quy mô lớn, có độ phức tạp cao;

b) Phát huy khuynh hướng sáng tạo mỹ thuật mới; tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, nghiên cứu, đề xuất những vấn đề có liên quan đến quy trình sáng tạo nghệ thuật;

c) Chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học, phân tích các khuynh hướng sáng tác mỹ thuật trong và ngoài nước; chuẩn bị tư liệu, tài liệu phục vụ cho việc sáng tác, thực hiện các giải pháp tạo hình (phác thảo, hoàn thành phác thảo, thể hiện tác phẩm); chủ trì chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo nghiệp vụ chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

d) Theo dõi, đánh giá hiệu quả xã hội của công trình, tác phẩm, sau khi đưa ra công chúng rộng rãi để rút kinh nghiệm, đề xuất xu hướng sáng tác các công trình, tác phẩm mới;

đ) Chủ trì xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho viên chức hạng dưới.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh họa sĩ hạng I.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:

a) Nắm vững và thực hiện đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Nắm vững kiến thức tổng hợp về các loại hình mỹ thuật; đặc trưng, đặc điểm của các môn nghệ thuật liên quan; nắm vững các thành tựu khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước liên quan đến nghiệp vụ mỹ thuật;

c) Nắm vững các hình thức, phương pháp sáng tác và các quy trình kỹ thuật nghiệp vụ liên quan;

d) Khai thác, sử dụng thành thạo các chất liệu, có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động sáng tác, thể hiện các công trình, tác phẩm;

đ) Có năng lực chỉ đạo và phối hợp với đồng nghiệp trong tổ chức các hoạt động chuyên môn về mỹ thuật; có khả năng nghiên cứu, đề xuất các giải pháp sáng tạo về lĩnh vực mỹ thuật;

e) Có ít nhất 02 công trình hoặc tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận về chất lượng nghệ thuật.

4. Viên chức thăng hạng vào chức danh họa sĩ hạng I gồm một trong các trường hợp sau:

a) Được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

b) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và phải có thời gian giữ chức danh họa sĩ hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh họa sĩ hạng II tối thiểu là 02 năm.

Điều 5. Họa sĩ hạng II - Mã số: V.10.08.26

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì tổ chức sáng tác và chỉ đạo thực hiện các công trình, tác phẩm mỹ thuật có quy mô vừa, có độ phức tạp trung bình;

b) Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, nghiên cứu, đề xuất những vấn đề có liên quan đến quy trình sáng tạo nghệ thuật;

c) Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, phân tích các khuynh hướng sáng tác mỹ thuật trong và ngoài nước;

d) Theo dõi, đánh giá hiệu quả xã hội của công trình, tác phẩm, sau khi đưa ra công chúng rộng rãi để rút kinh nghiệm, đề xuất xu hướng sáng tác các công trình, tác phẩm mới;

đ) Tham gia xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho viên chức hạng dưới.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh họa sĩ hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:

a) Nắm vững và thực hiện đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Nắm được kiến thức tổng hợp về các loại hình mỹ thuật; đặc trưng, đặc điểm của các môn nghệ thuật liên quan; nắm được các thành tựu khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước liên quan đến nghiệp vụ mỹ thuật;

c) Nắm được các hình thức, phương pháp sáng tác và các quy trình kỹ thuật nghiệp vụ liên quan;

d) Biết khai thác, sử dụng thành thạo các chất liệu, có kinh nghiệm trong hoạt động sáng tác;

đ) Có khả năng nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp trong tổ chức các hoạt động chuyên môn về mỹ thuật;

e) Có ít nhất 01 công trình hoặc tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận về chất lượng nghệ thuật.

4. Viên chức thăng hạng vào chức danh họa sĩ hạng II gồm một trong các trường hợp sau:

a) Được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

b) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và phải có thời gian giữ chức danh họa sĩ hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm, trong đó thời gian giữ chức danh họa sĩ hạng III tối thiểu là 02 năm.

Điều 6. Họa sĩ hạng III - Mã số: V.10.08.27

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các công trình, tác phẩm mỹ thuật có quy mô vừa và nhỏ, có độ phức tạp trung bình; thể hiện tranh, tượng, thiết kế mỹ thuật... trên một chất liệu hoặc trên các chất liệu khác nhau đảm bảo nội dung và hình thức theo sự phân công;

b) Nghiên cứu các đề tài, chuẩn bị tư liệu, tài liệu; phối hợp với những người có liên quan thống nhất ý tưởng sáng tạo, đảm bảo quy trình hoàn thành công trình, tác phẩm được giao; thực hiện các giải pháp tạo hình (hoàn thành phác thảo, thể hiện tác phẩm);

c) Xây dựng kế hoạch, đề ra biện pháp tiến hành thực hiện công trình, tác phẩm; lập dự trù kinh phí, vật tư... cho công việc sáng tác hoặc thể hiện tác phẩm.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh họa sĩ hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:

a) Nắm được quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Nắm được các hình thức và phương pháp tiến hành sáng tác;

c) Khai thác, sử dụng thành thạo 01 chất liệu trong sáng tác, thể hiện công trình, tác phẩm;

d) Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ mỹ thuật;

đ) Có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả hoạt động mỹ thuật.

4. Viên chức thăng hạng từ chức danh họa sĩ hạng IV lên chức danh họa sĩ hạng III phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và có thời gian giữ chức danh họa sĩ hạng IV tối thiểu là 02 năm đối với trình độ cao đẳng hoặc 03 năm đối với trình độ trung cấp.

Điều 7. Họa sĩ hạng IV - Mã số: V.10.08.28

1. Nhiệm vụ:

a) Thể hiện tác phẩm tranh, tượng, thiết kế mỹ thuật... của tác giả trên một chất liệu hoặc trên các chất liệu khác nhau có nội dung và hình thức theo yêu cầu;

b) Chuẩn bị tư liệu, tài liệu, vật tư liên quan đến việc thể hiện công trình, tác phẩm; thực hiện giải pháp tạo hình đảm bảo quy trình hoàn thành công trình, tác phẩm.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:

a) Nắm được các thành tựu khoa học cơ bản liên quan đến nghiệp vụ;

b) Nắm được các hình thức và phương pháp sáng tác;

- c) Biết khai thác, sử dụng 01 chất liệu trong sáng tác;
- d) Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

Chương III
HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG
THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 8. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quy định tại Thông tư liên tịch này phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch này.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp chuyên ngành mỹ thuật tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng (trừ trường hợp được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành mỹ thuật quy định tại Điều 9 và Khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch này).

Điều 9. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào ngạch viên chức chuyên ngành mỹ thuật theo quy định tại Quyết định số 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành Văn hóa - Thông tin, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật quy định tại Thông tư liên tịch này, như sau:

- 1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng I (mã số V.10.08.25) đối với viên chức hiện đang xếp ngạch họa sĩ cao cấp (mã số 17.160); viên chức đã được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân;
- 2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II (mã số V.10.08.26) đối với viên chức hiện đang xếp ngạch họa sĩ chính (mã số 17.161); viên chức đã được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú;
- 3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III (mã số V.10.08.27) đối với viên chức hiện đang xếp ngạch họa sĩ (mã số 17.162);
- 4. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV (mã số V.10.08.28) đối với viên chức hiện đang xếp ngạch họa sĩ trung cấp (mã số 17.163).

Điều 10. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp

vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp hạng I (mã số V.10.08.25) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

b) Chức danh nghề nghiệp hạng II (mã số V.10.08.26) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

c) Chức danh nghề nghiệp hạng III (mã số V.10.08.27) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

d) Chức danh nghề nghiệp hạng IV (mã số V.10.08.28) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Xếp lương khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp.

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

a) Trường hợp có trình độ đào tạo tiến sĩ phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật thì được xếp bậc 3, hệ số lương 3,00 của chức danh nghề nghiệp hạng III (mã số V.10.08.27);

b) Trường hợp có trình độ đào tạo thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp hạng III (mã số V.10.08.27);

c) Trường hợp có trình độ đào tạo đại học phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật thì được xếp bậc 1, hệ số lương 2,34 của chức danh nghề nghiệp hạng III (mã số V.10.08.27);

d) Trường hợp có trình độ đào tạo trung cấp phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật thì được xếp bậc 1, hệ số lương 1,86 của chức danh nghề nghiệp hạng IV (mã số V.10.08.28).

đ) Trường hợp có trình độ đào tạo cao đẳng phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,06 của chức danh nghề nghiệp hạng IV (mã số V.10.08.28).

3. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật quy định tại Điều 9 và Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch viên chức chuyên ngành mỹ thuật theo quy định tại Quyết định số 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng -

Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành Văn hóa - Thông tin, Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và ngạch viên chức và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn H đã bổ nhiệm và xếp ngạch họa sĩ (mã số 17.162), bậc 5, hệ số lương 3,66 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Nay đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III (mã số V.10.08.27) thì xếp bậc 5, hệ số lương 3,66 của chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

b) Trường hợp viên chức có trình độ cao đẳng chuyên ngành mỹ thuật khi tuyển dụng đã được xếp lương ở viên chức loại A0 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV (mã số V.10.08.28) thì việc xếp bậc lương trong chức danh họa sĩ hạng IV được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự) như sau:

Tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV, cứ sau thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) được xếp lên 01 bậc lương (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn). Trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên.

Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV nêu trên, nếu hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn hệ số lương đã hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B, có trình độ cao đẳng chuyên ngành mỹ thuật đã được tuyển dụng vào làm viên chức tại Trung tâm văn hóa tỉnh H, đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 01 tháng 6 năm 2008 và đã xếp bậc 3, hệ số lương 2,72 của viên chức loại A0 kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014, trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV (mã số V.10.08.28) thì việc xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV như sau:

Thời gian công tác của ông Nguyễn Văn B từ ngày 01 tháng 6 năm 2008 trừ thời gian tập sự 06 tháng, tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV và cứ 02 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 12 năm 2014, ông Nguyễn Văn B được xếp vào bậc 5, hệ số lương 2,66 của chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV; thời gian hưởng bậc lương mới ở chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014; đồng thời hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,06 (2,72 - 2,66).

Đến ngày 01 tháng 12 năm 2016 (đủ 02 năm), ông Nguyễn Văn B đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên lên bậc 6, hệ số lương 2,86 của chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV và tiếp tục được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,06 (tổng hệ số lương được hưởng là 2,92).

4. Việc thăng hạng viên chức chuyên ngành mỹ thuật được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật quy định tại Thông tư liên tịch này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.
2. Bãi bỏ các quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ, danh mục các ngạch viên chức họa sĩ cao cấp, họa sĩ chính, họa sĩ và họa sĩ trung cấp quy định tại Quyết định số 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ và Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

Cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật quy định tại Thông tư liên tịch này đối

với những viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức chuyên ngành mỹ thuật theo quy định tại Quyết định số 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành Văn hóa - Thông tin.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư liên tịch này là một trong những căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức chuyên ngành mỹ thuật trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các cơ sở, tổ chức, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập có thể vận dụng quy định tại Thông tư liên tịch này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý người làm việc về chuyên ngành mỹ thuật.

3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý và sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành mỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành mỹ thuật tương ứng trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành mỹ thuật;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành mỹ thuật thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang các chức danh nghề nghiệp chuyên ngành mỹ thuật tương ứng quy định tại Thông tư liên tịch này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành mỹ thuật thuộc diện quản lý vào các chức danh chuyên ngành mỹ thuật tương ứng trong các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

d) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành mỹ thuật thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỦ TRƯỞNG**


Nguyễn Duy Thăng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THỦ TRƯỞNG**


Lê Khánh Hải

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở VH-TTDL, Sở VH Thể thao, Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Bộ trưởng, Thủ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, Thủ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ;
- Công Thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ;
- Lưu: BVHTTDL (VT, Vụ TCCB), BNV (VT, Vụ CCVC, Vụ TL), (500b).

